

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21- 9- 2022

*Về việc ly hôn, tranh
chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Khánh Long;

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên Tòa:
Ông Hồ Văn Phân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2022/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Thạch Thị G, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Số nhà 029 khóm L, phường Kh, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

*** Bị đơn:** Anh Khru C, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số nhà 148, ấp Tr, xã H, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2021 và đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Thạch Thị G trình bày:

Vào năm 2017, chị Thạch Thị G kết hôn với anh Khuru C, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/02/2017. Sau cưới, hai vợ chồng sống chung với cha mẹ chồng ở Số nhà 148, ấp Tr, xã H, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có một con chung là Khuru Văn Th (nam) sinh ngày 07/10/2017. Đến năm 2020, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường tranh chấp cãi vã, anh C còn có hành vi bạo hành với chị G nên tình cảm vợ chồng không còn. Chị G đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn một lần nhưng Tòa án tiến hành hòa giải động viên và anh C hứa khắc phục nên chị G rút đơn để hòa giải đoàn tụ với anh C. Tuy nhiên, đến nay, anh C vẫn không khắc phục. Hiện nay, chị G đã về sống với cha mẹ ruột của chị G và con chung là cháu Th đang sống chung với anh C.

Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn thương yêu nhau nữa. Nay chị G yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị Thạch Thị G yêu cầu được ly hôn với anh Khuru C.
- Về con chung: Thạch Thị G đồng ý giao cho anh Khuru C được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Khuru Văn Th (nam) sinh ngày 07/10/2017. Chị G không cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ do chị G giao nộp là bản chính Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, bản sao Sổ hộ khẩu, bản sao Giấy khai sinh của cháu Khuru Văn Th và Bản gốc Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

Đối với bị đơn anh Khuru C: Dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của chị G nhưng anh C không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Đồng thời, anh C cũng vắng mặt không có lý do trong các

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên cho anh C và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 26/8/2022, bị đơn C vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định. Đến ngày 30/8/2022, anh C nộp cho Tòa án “Đơn xin xét xử vắng mặt”. Tại đơn xin vắng mặt, anh C thống nhất với lời trình bày của chị G về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Khuru C đồng ý ly hôn với chị Thạch Thị G.

- Về con chung: Anh Khuru C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Khuru Văn Th (nam) sinh ngày 07/10/2017. Anh C không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật; riêng bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, tuy nhiên, khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử anh C đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Thạch Thị G được ly hôn với anh Khuru C, giao cho anh C được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi cháu Khuru Văn Th thành niên, chị G không phải cấp dưỡng cho con; không xem xét, giải quyết về tài sản và nợ chung do không có yêu cầu; chị G phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Thạch Thị G khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh Khuru C và yêu cầu được nuôi con chung. Yêu cầu của chị G được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã

Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh của cháu Khuru Văn Th cũng như lời trình bày của các bên đương sự; đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị G và anh C về việc kết hôn được Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/02/2017 và vợ chồng đã có 01 con chung là sự thật. Vì vậy, giữa chị G và anh C đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, hiện nay vợ chồng đã không còn lòng tin và tình yêu thương lẫn nhau; mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bỏn phận của người đó, không cùng nhau thực hiện các công việc gia đình; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau lao động để nuôi dạy con chung. Như vậy, chị G và anh C đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị G được ly hôn với anh C.

Đối với quyền nuôi con chung: Tại thời điểm xét xử vụ án cháu Khuru Văn Th (nam) sinh ngày 07/10/2017 còn nhỏ, hiện đang sống với anh C, anh C có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th. Đồng thời chị G cũng đồng ý giao cho anh C được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Khuru Văn Th đến khi cháu Th thành niên. Nên căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cho anh C được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Khuru Văn Th (nam) sinh ngày 07/10/2017 đến khi cháu Th thành niên; đồng thời, ghi nhận ý chí tự nguyện của anh C về việc không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con

Các đương sự tiếp tục khẳng định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị G phải chịu là 300.000 đồng, theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thạch Thị G được ly hôn với anh Khuru C.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao cho anh Khuru C được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Khuru Văn Th (nam) sinh ngày 07/10/2017 đến khi cháu Th thành niên. Ghi nhận ý chí tự nguyện của anh C, về việc không yêu cầu chị G cấp dưỡng cho con.

Trong thời gian anh C nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu Khuru Văn Th, anh C có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; chị G có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Các đương sự thực hiện quyền này theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự cùng khẳng định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Thạch Thị G phải chịu là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002317 ngày 28/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, chị G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Thạch Thị G và anh Khru C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- UBND xã H, thị xã Vĩnh Châu;
- tỉnh Sóc Trăng.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VÕ THỊ HIẾU